

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **321/2018/DS-ST**

Ngày: 08/10/2018

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Bé**;

2. Ông **Lê Anh Chiến**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà **Lý Nguyễn Huyền Trang**- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 396/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2018/QĐXXST-DS ngày 11/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 396/2018/QĐST-DS ngày 25/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Võ Văn T**, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện C, Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Lê Thị Hồng P**, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Nguyễn Văn L, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện C, Tiền Giang.

3. Người làm chứng:

Huỳnh Thị M, sinh năm 1964 (có đơn xin vắng mặt);

Nguyễn Thị U, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện C, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Võ Văn T trình bày: Ông có tham gia chơi hụi do bà Lê Thị Hồng P và ông Nguyễn Văn L làm chủ, cụ thể:

Dây hội khui ngày 20/02/2016 (Âm lịch (AL)), loại hội 1.000.000đồng/tháng gồm 28 phần, ông T tham gia 02 phần, mỗi phần đóng tiền hội là 700.000 đồng/tháng và ông đã đóng được 15 tháng hội đến tháng 5/2017 (AL) thì hội bị bể nên ông ngưng đóng hội nhưng bà P và ông L không trả lại tiền hội cho ông với số tiền 15 tháng x 700.000đồng/tháng x 02 phần = 21.000.000 đồng.

Dây hội khui ngày 20/7/2016 (AL), loại hội 1.000.000đồng/tháng gồm 21 phần, ông T tham gia 02 phần, mỗi phần đóng tiền hội là 700.000 đồng/tháng, ông đã hốt 01 phần hội vào tháng thứ 3 và đã nhận tiền đầy đủ, phần hội còn lại ông đóng đến tháng 5/2017 (AL) thì hội bị bể nên ông ngưng đóng hội nhưng bà P và ông L không trả lại tiền hội cho ông với số tiền 11 tháng x 700.000đồng/tháng x 01 phần = 7.700.000 đồng.

Tổng cộng ông L và bà P còn nợ ông T số tiền hội là 28.700.000 đồng. Do khi hội bị bể thì bà P và ông L bỏ nhà đi nên ông không thể đóng tiền hội chết của 01 phần hội trong dây hội khui ngày 20/7/2016 (AL), tính đến ngày mãn hội thì ông còn nợ 10 tháng tiền hội chết với số tiền 10.000.000đồng. Nay ông T đồng ý căn trừ số tiền hội chết ông nợ bà P và ông L vào số tiền 28.700.000 đồng, ông yêu cầu vợ chồng bà P và ông L trả tiền hội còn nợ là 18.700.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi, thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Lê Thị Hồng P trình bày: Bà có làm chủ hội và ông Võ Văn T có tham gia 02 dây hội do bà làm chủ, cụ thể dây hội khui ngày 20/02/2016 (AL) ông T tham gia 02 phần và đóng được 15 tháng hội sống với số tiền 21.000.000 đồng; dây hội khui ngày 20/7/2016 (AL) ông T tham gia 02 phần nhưng đã hốt hội 01 phần, bà đã giao tiền hội đầy đủ và ông T còn nợ bà 10 tháng tiền hội chết, phần hội còn lại ông T đóng được 11 tháng hội sống với số tiền 7.700.000đồng. Tổng cộng bà còn nợ ông T tiền hội là 28.700.000đồng. Nay bà yêu cầu được căn trừ 10.000.000đồng tiền hội chết vào số tiền bà nợ ông T, bà đồng ý trả cho ông T số tiền hội còn lại là 18.700.000đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin được trả dần mỗi tháng 300.000đồng.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn L từ khi thụ lý đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng ông L vẫn vắng mặt không rõ lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T.

* Người làm chứng bà Huỳnh Thị M và bà Nguyễn Thị U trình bày: Hai bà có tham gia chơi hội chung với ông T các dây hội do bà P và ông L làm chủ. Mỗi tháng đóng tiền hội sống là 700.000đồng/tháng, việc ông T đã hốt hội hay chưa thì hai bà không rõ nhưng hai bà khẳng định cả bà P và ông L đều là chủ hội vì mỗi lần khui hội đều có mặt ông L và ông L có đi gom tiền hội.

Tại phiên tòa, ông Võ Văn T giữ yêu cầu bà Lê Thị Hồng P và ông Nguyễn Văn L trả số tiền hội còn nợ là 18.700.000đồng, ông không yêu cầu tính lãi, thực hiện trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời trình bày và lời thừa nhận của bà Lê Thị Hồng P thể hiện giữa ông T và bà P, ông L có quan hệ chơi hụi với nhau. Quá trình giao dịch thì bà P, ông L còn nợ lại ông Tường số tiền 18.700.000 đồng, nay ông T yêu cầu vợ chồng bà P ông L trả số tiền trên là phù hợp với qui định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T khởi kiện bà Lê Thị Hồng P và ông Nguyễn Văn L có địa chỉ tại ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông số tiền hụi còn nợ là 18.700.000 đồng nên xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng góp hụi” theo Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp được qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Qua lời trình bày tại phiên tòa và căn cứ vào các biên bản hòa giải, cùng các lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa ông T và bà P, ông L có xác lập quan hệ góp hụi từ năm 2016 (AL). Ông T tham gia 02 dây hụi, cụ thể dây ngày 20/02/2016 (AL), loại hụi 1.000.000đồng/tháng gồm 28 phần, ông T tham gia 02 phần, mỗi phần đóng tiền hụi là 700.000 đồng/tháng và ông đã đóng được 15 tháng hụi đến tháng 5/2017 (AL) thì hụi bị bể nên ông ngưng đóng hụi nhưng bà P và ông L không trả lại tiền hụi cho ông với số tiền 15 tháng x 700.000đồng/tháng x 02 phần = 21.000.000 đồng. Dây hụi khui ngày 20/7/2016 (AL), loại hụi 1.000.000đồng/tháng gồm 21 phần, ông T tham gia 02 phần, mỗi phần đóng tiền hụi là 700.000 đồng/tháng, ông đã hốt 01 phần hụi vào tháng thứ 3 và đã nhận tiền đầy đủ, phần hụi còn lại ông đóng đến tháng 5/2017 (AL) thì hụi bị bể nên ông ngưng đóng hụi nhưng bà P và ông L không trả lại tiền hụi cho ông với số tiền 11 tháng x 700.000đồng/tháng x 01 phần = 7.700.000 đồng. Đối với phần hụi ông T đã hốt hụi thì ông phải đóng lại tiền hụi chết cho vợ chồng bà P ông L số tiền 10.000.000 đồng nên ông T đồng ý căn trừ số tiền này vào số tiền bà P và ông L nợ ông. Nay ông T yêu cầu vợ chồng bà P ông L trả số tiền hụi 18.700.000 đồng làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà Lê Thị Hồng P thừa nhận bà có làm chủ hội và ông Võ Văn T có tham gia 02 dây hội do bà làm chủ, cụ thể dây hội khai ngày 20/02/2016 (AL) ông T tham gia 02 phần và đóng được 15 tháng hội sống với số tiền 21.000.000 đồng; dây hội khai ngày 20/7/2016 (AL) ông T tham gia 02 phần nhưng đã hốt hội 01 phần, bà đã giao tiền hội đầy đủ và ông T còn nợ bà 10 tháng tiền hội chết, phần hội còn lại ông T đóng được 11 tháng hội sống với số tiền 7.700.000đồng. Tổng cộng bà còn nợ ông T tiền hội là 28.700.000đồng. Nay bà yêu cầu được căn trừ 10.000.000đồng tiền hội chết vào số tiền bà nợ ông T, bà đồng ý trả cho ông T số tiền hội còn lại là 18.700.000đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin được trả dần mỗi tháng 300.000đồng. LỜI trình bày của bà P là không có cơ sở để chấp nhận, bởi bà P và ông L không thực hiện đúng việc trả tiền hội đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T, đồng thời tại Tòa ông T không đồng ý cho bà P và ông L trả dần, do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Ông Võ Văn T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với bà Lê Thị Hồng P và ông Nguyễn Văn L, cả hai cùng chung hộ khẩu thường trú vắng mặt tại tòa không rõ lý do, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt nên áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà P và ông L.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Từ những nhận định trên, Tòa án chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006.

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T.

1. Buộc bà Lê Thị Hồng P và ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ trả cho ông Võ Văn T số tiền 18.700.000 đồng (mười tám triệu bảy trăm ngàn đồng), thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà P, ông L chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất do Ngân

hàng Nhà nước Việt Nam qui định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị Hồng P và ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 935.000 đồng (chín trăm ba mươi lăm ngàn đồng)

Hoàn lại cho ông Võ Văn T số tiền 687.500 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 35862 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Bà Lê Thị Hồng P, ông Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TANDTTG.
- VKSNDHCG.
- Chi cục THADSHCG.
- Các đương sự.
- Lưu.

(đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng